

TỔNG CÔNG TY  
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 128/TNB

Tp. Cần Thơ, ngày 14 tháng 03 năm 2017

V/v công bố thông tin báo cáo tài chính  
đã được kiểm toán năm 2017

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên đơn vị: Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ.
2. Mã chứng khoán: PSW.
3. Trụ sở chính: 151/18 Trần Hoàng Na, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.
4. Điện thoại: (0292) 3765 080; Fax: (0292) 3765 078
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Lê Thanh Tùng**.

Địa chỉ: 151/18 Trần Hoàng Na, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ. Điện thoại: (0292) 3765 079 Fax: (0292) 3765 078.

6. Nội dung công bố thông tin:

6.1. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ được lập ngày 06/03/2018 gồm: Báo cáo của Ban Giám đốc, Báo cáo Kiểm toán độc lập, BCĐKT, BCKQHĐKD, BCLCTT và Thuyết minh báo cáo Tài chính.

6.2. Các nội dung giải trình::

Nguyên nhân lợi nhuận sau thuế năm 2017 giảm hơn 64% so với cùng kỳ năm 2016:

- Trước tình hình cạnh tranh ngày càng gay gắt, kết hợp với diễn biến giá phân bón trên thị trường biến động bất thường (giá giảm liên tục từ tháng 3 đến tháng 8/2017), Công ty đã nỗ lực triển khai nhiều giải pháp, tiết giảm chi phí quản lý bán hàng, cụ thể chi phí quản lý và bán hàng năm 2017 giảm gần 2% so với năm 2016.
- Mặc dù giá bán Đạm Phú Mỹ (mặt hàng chủ lực của Công ty) năm 2017 tăng 6,63% so với năm 2016, tuy nhiên giá vốn năm 2017 tăng 8,26% so với năm



2016 (do chính sách bán hàng của Nhà cung cấp) dẫn đến lợi nhuận gộp Đạm Phú Mỹ năm 2017 giảm 22,85%.

- Doanh thu hoạt động tài chính năm 2017 giảm 31% so với năm 2016 do vốn tài trợ cho hoạt động kinh doanh năm 2017 tăng so với 2016.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính năm 2017: <http://psw.vn/>.

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BGĐ Công ty;
- P.TCHC, P. TCKT, P.KH-ĐT, BBTWebsite;
- Lưu: VT, PHN.



**NGƯỜI ĐƯỢC UOQBTT  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Lê Thanh Tùng**



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT  
DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2017



## **MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 20



### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Quý Hiến	Chủ tịch
Ông Trịnh Văn Khiêm	Ủy viên
Ông Lê Thanh Tùng	Ủy viên
Ông Nguyễn Công Bằng	Ủy viên
Ông Trần Tuấn Kiệt	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2017)
Ông Phạm Văn Quý	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2017)

##### **Ban Giám đốc**

Ông Trịnh Văn Khiêm	Giám đốc
Ông Lê Thanh Tùng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Công Bằng	Phó Giám đốc

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ**  
151/18 Trần Hoàng Na, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều  
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

---

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



  
Trịnh Văn Khiêm  
Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2018  
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam



Số: 581 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 06 tháng 3 năm 2018, từ trang 04 đến trang 20, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Đặng Chí Dũng**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0030-2018-001-1

**Vũ Mạnh Hùng**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2737-2018-001-1

### **CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 06 tháng 3 năm 2018  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website [www.deloitte.com/about](http://www.deloitte.com/about) để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. và các hãng thành viên.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>317.300.449.457</b>	<b>216.681.689.364</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>106.783.648.089</b>	<b>187.278.876.818</b>
1. Tiền	111		13.283.648.089	10.278.876.818
2. Các khoản tương đương tiền	112		93.500.000.000	177.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		20.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>63.721.341.592</b>	<b>22.400.040.398</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	60.645.396.598	17.145.687.319
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	2.748.075.550	4.531.964.190
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	327.869.444	722.388.889
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>124.895.786.424</b>	<b>6.986.932.533</b>
1. Hàng tồn kho	141		124.895.786.424	6.986.932.533
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.899.673.352</b>	<b>15.839.615</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.545.000.000	15.839.615
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	354.673.352	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>27.503.925.124</b>	<b>42.818.115.801</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>26.934.697.739</b>	<b>31.796.677.697</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	10.888.267.868	15.684.114.493
- Nguyên giá	222		35.962.798.243	35.784.928.243
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.074.530.375)	(20.100.813.750)
2. Tài sản cố định vô hình	227		16.046.429.871	16.112.563.204
- Nguyên giá	228		16.114.370.125	16.114.370.125
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(67.940.254)	(1.806.921)
<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>10.116.541.105</b>
- Nguyên giá	231		-	11.480.389.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	(1.363.847.895)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>569.227.385</b>	<b>904.896.999</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		569.227.385	904.896.999
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>344.804.374.581</b>	<b>259.499.805.165</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>133.304.169.024</b>	<b>45.750.638.854</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>133.304.169.024</b>	<b>45.750.638.854</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	41.820.518.429	29.196.010.342
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	12	79.645.520.301	5.870.654.925
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	242.564.921	799.744.944
4. Phải trả người lao động	314		5.596.266.372	4.910.668.575
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.105.931.512	246.952.380
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	1.668.240.200	72.400.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.225.127.289	4.654.207.688
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>211.500.205.557</b>	<b>213.749.166.311</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>211.500.205.557</b>	<b>213.749.166.311</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		170.000.000.000	170.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		170.000.000.000	170.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.928.985.693	18.928.985.693
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		22.571.219.864	24.820.180.618
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		14.620.180.618	12.578.348.309
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		7.951.039.246	12.241.832.309
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>344.804.374.581</b>	<b>259.499.805.165</b>

Hứa Đăng Thành Luân  
 Người lập biểu

Nguyễn Thành Công  
 Kế toán trưởng



Trịnh Văn Khiêm  
 Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này




### **BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>17</b>	<b>2.058.858.152.872</b>	<b>2.259.035.532.959</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	17	21.390.534.035	21.040.676.375
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>17</b>	<b>2.037.467.618.837</b>	<b>2.237.994.856.584</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	1.978.371.560.236	2.153.809.720.093
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>59.096.058.601</b>	<b>84.185.136.491</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		5.014.212.068	7.303.622.610
7. Chi phí tài chính	22		37.261.576	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		37.246.576	-
8. Chi phí bán hàng	25	20	32.832.738.300	32.394.312.238
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	22.489.362.819	23.944.953.655
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))</b>	<b>30</b>		<b>8.750.907.974</b>	<b>35.149.493.208</b>
11. Thu nhập khác	31		3.711.775.583	12.272.728
12. Chi phí khác	32		-	25.883
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>	<b>21</b>	<b>3.711.775.583</b>	<b>12.246.845</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>12.462.683.557</b>	<b>35.161.740.053</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	2.509.770.348	7.044.836.754
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>9.952.913.209</b>	<b>28.116.903.299</b>
<b>17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>23</b>	<b>468</b>	<b>1.320</b>

  
Hứa Đăng Thành Luân  
Người lập biểu

  
Nguyễn Thành Công  
Kế toán trưởng

  
Trịnh Văn Khiêm  
Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>12.462.683.557</b>	<b>35.161.740.053</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	5.062.364.813	5.185.658.325
Các khoản dự phòng	03	-	(1.965.424.687)
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	15.000	(115.500)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(5.460.249.091)	(7.303.622.610)
Chi phí lãi vay	06	37.246.576	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>12.102.060.855</b>	<b>31.078.235.581</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(41.819.920.639)	27.652.136.085
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(117.908.853.891)	70.969.878.747
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và lãi vay phải trả)	11	88.921.898.969	(75.043.142.502)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.193.490.771)	(501.639.004)
Tiền lãi vay đã trả	14	(37.246.576)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.154.212.100)	(9.700.944.766)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	720.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.430.954.362)	(6.697.157.474)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(66.520.718.515)</b>	<b>38.477.366.667</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(177.870.000)	(2.030.874.406)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	10.540.063.273	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(40.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	20.000.000.000	-
5. Tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.512.831.513	6.664.397.609
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(4.124.975.214)</b>	<b>4.633.523.203</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	50.000.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(50.000.000.000)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(9.849.520.000)	(23.868.160.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(9.849.520.000)</b>	<b>(23.868.160.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(80.495.213.729)</b>	<b>19.242.729.870</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>187.278.876.818</b>	<b>168.036.031.448</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(15.000)	115.500
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>106.783.648.089</b>	<b>187.278.876.818</b>

Hứa Đăng Thành Luân  
 Người lập biểu

Nguyễn Thành Công  
 Kế toán trưởng

Trịnh Văn Khiêm  
 Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800722461 ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 9 ngày 25 tháng 01 năm 2016. Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ - được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800722461 ngày 31 tháng 12 năm 2010. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội ngày 30 tháng 6 năm 2015 với mã chứng khoán là PSW.

Cổ đông chính của Công ty là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty cổ phần ("Tổng Công ty").

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 77 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 74 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu phân bón;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hoá;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khách liên quan đến vận tải (trừ kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng xuất khẩu, nhập khẩu hoặc đại lý làm thủ tục hải quan);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Quảng cáo;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại phân bón.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

#### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua hàng hóa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua hàng hóa, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.



### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Năm nay</b> (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 10
Máy móc thiết bị	6
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 7

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị bản quyền phần mềm, quyền sử dụng đất của kho Đồng Tháp và Tòa nhà Văn phòng tại số 151/18 đường Trần Hoàng Na, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, tuy nhiên Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn.

### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng.

### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:



- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### **4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
Tiền mặt	115.402.651	109.372.923
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.168.245.438	10.169.503.895
Các khoản tương đương tiền (*)	93.500.000.000	177.000.000.000
	<b><u>106.783.648.089</u></b>	<b><u>187.278.876.818</u></b>

(\*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 01 tháng và 03 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,2%/năm đến 5,3%/năm.

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
- Tiền gửi có kỳ hạn	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
	<b>20.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>	-	-

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH VTNN Hưng Thạnh	15.044.520.540	-
Doanh nghiệp tư nhân Kim Hoàng	12.787.537.500	-
Công ty Cổ phần Phân bón Long Việt	10.918.735.000	-
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	5.841.623.689	4.925.722.234
Doanh nghiệp tư nhân Trần Thị Ngoan	4.478.043.429	1.488.343.085
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Xuất nhập khẩu Tường Nguyên	2.777.498.600	1.750.684.097
Doanh nghiệp tư nhân Tường Dung	241.557.100	2.464.505.900
Doanh nghiệp tư nhân Hưng Thạnh	-	3.217.350.350
Doanh nghiệp tư nhân Tư Long	-	2.570.998.250
Các khách hàng khác	8.555.880.740	728.083.403
	<b>60.645.396.598</b>	<b>17.145.687.319</b>
<b>Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 24)</b>	<b>6.367.176.229</b>	<b>4.925.722.234</b>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Phân bón Long Việt	2.696.800.000	-
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu Khí - Công ty Cổ phần	-	4.450.000.000
Các nhà cung cấp khác	51.275.550	81.964.190
	<b>2.748.075.550</b>	<b>4.531.964.190</b>
<b>Trả trước cho các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 24)</b>	<b>-</b>	<b>4.450.000.000</b>



**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	223.769.444	722.388.889
Tạm ứng cán bộ công nhân viên	74.100.000	-
Phải thu khác	30.000.000	-
	<b>327.869.444</b>	<b>722.388.889</b>
<b>Phải thu khác các bên liên quan</b> (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 24)	<b>30.000.000</b>	-

**9. HÀNG TỒN KHO**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u> VND	<u>Dự phòng</u> VND	<u>Giá gốc</u> VND	<u>Dự phòng</u> VND	
Công cụ, dụng cụ	238.784.000	-	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	597.062.749	-	1.637.640	-	-
Hàng hoá	124.059.939.675	-	6.985.294.893	-	-
<b>Cộng</b>	<b>124.895.786.424</b>	<b>-</b>	<b>6.986.932.533</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<u>Nhà cửa và</u> <u>vật kiến trúc</u> VND	<u>Máy móc,</u> <u>thiết bị</u> VND	<u>Phương tiện</u> <u>vận tải</u> VND	<u>Thiết bị</u> <u>văn phòng</u> VND	<u>Tổng cộng</u> VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>25.815.691.083</b>	<b>128.128.000</b>	<b>6.793.770.618</b>	<b>3.047.338.542</b>	<b>35.784.928.243</b>
Mua sắm mới	-	-	-	177.870.000	177.870.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>25.815.691.083</b>	<b>128.128.000</b>	<b>6.793.770.618</b>	<b>3.225.208.542</b>	<b>35.962.798.243</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>14.351.389.156</b>	<b>21.413.171</b>	<b>3.386.353.450</b>	<b>2.341.657.973</b>	<b>20.100.813.750</b>
Trích khấu hao trong năm	3.758.631.936	21.354.666	989.264.798	204.465.225	4.973.716.625
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>18.110.021.092</b>	<b>42.767.837</b>	<b>4.375.618.248</b>	<b>2.546.123.198</b>	<b>25.074.530.375</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>11.464.301.927</b>	<b>106.714.829</b>	<b>3.407.417.168</b>	<b>705.680.569</b>	<b>15.684.114.493</b>
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>7.705.669.991</b>	<b>85.360.163</b>	<b>2.418.152.370</b>	<b>679.085.344</b>	<b>10.888.267.868</b>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 với giá trị là 3.039.369.590 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 2.556.499.590 VND).

**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số có		Số có	
	Số cuối năm VND	khả năng trả nợ VND	Số đầu năm VND	khả năng trả nợ VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	39.380.370.700	39.380.370.700	28.207.047.068	28.207.047.068
Các nhà cung cấp khác	2.440.147.729	2.440.147.729	988.963.274	988.963.274
	<b>41.820.518.429</b>	<b>41.820.518.429</b>	<b>29.196.010.342</b>	<b>29.196.010.342</b>
Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 24)	<b>39.415.901.757</b>		<b>28.207.047.068</b>	

**12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Doanh nghiệp tư nhân Kim Hoàng	41.028.899.600	2.147.521.640
Công ty TNHH VTNN Hưng Thạnh	11.569.140.000	-
Doanh nghiệp Tư nhân Trần Thị Ngoan	9.343.150.000	-
Doanh nghiệp tư nhân Đông Huê	6.585.500.630	934.207.000
Công ty TNHH Hữu Thành I	5.752.663.066	-
Doanh nghiệp tư nhân Hưng Thạnh	-	1.231.154.570
Công ty TNHH Út Nữ	3.460.550.000	643.402.200
Doanh nghiệp tư nhân Phân bón Tân Thành	-	138.550.000
Các khách hàng khác	1.905.617.005	775.819.515
	<b>79.645.520.301</b>	<b>5.870.654.925</b>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Chi tiêu	Số đầu năm VND	Phát sinh trong năm		Số cuối năm VND
		Phát sinh tăng VND	Phát sinh giảm VND	
<b>a. Các khoản phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	354.673.352	-	354.673.352
<b>Cộng</b>	-	<b>354.673.352</b>	-	<b>354.673.352</b>

Chi tiêu	Số đầu năm	Phát sinh trong năm		Số cuối năm
		Số phải nộp	Số đã nộp	
<b>b. Các khoản phải trả</b>				
Thuế GTGT đầu ra	236.010.893	1.356.394.901	1.387.090.873	205.314.921
Thuế thu nhập doanh nghiệp	289.768.400	2.509.770.348	2.799.538.748	-
Thuế thu nhập cá nhân	273.965.651	1.592.611.688	1.829.327.339	37.250.000
Tiền thuê đất	-	2.494.629	2.494.629	-
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>799.744.944</b>	<b>5.466.271.566</b>	<b>6.023.451.589</b>	<b>242.564.921</b>

**14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu năm</u> <b>VND</b>
Phải trả hàng khuyến mại	1.202.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	422.880.000	72.400.000
Phải trả, phải nộp khác	43.360.200	-
	<b>1.668.240.200</b>	<b>72.400.000</b>

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	<u>Vốn góp</u> <u>của chủ sở hữu</u> <b>VND</b>	<u>Quỹ Đầu tư</u> <u>phát triển</u> <b>VND</b>	<u>Lợi nhuận sau thuế</u> <u>chưa phân phối</u> <b>VND</b>	<u>Tổng công</u> <b>VND</b>
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>170.000.000.000</b>	<b>18.928.985.693</b>	<b>26.080.472.602</b>	<b>215.009.458.295</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	28.116.903.299	28.116.903.299
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(7.277.195.283)	(7.277.195.283)
Trả cổ tức	-	-	(22.100.000.000)	(22.100.000.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>170.000.000.000</b>	<b>18.928.985.693</b>	<b>24.820.180.618</b>	<b>213.749.166.311</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	9.952.913.209	9.952.913.209
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	(2.001.873.963)	(2.001.873.963)
Trả cổ tức (i)	-	-	(10.200.000.000)	(10.200.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>170.000.000.000</b>	<b>18.928.985.693</b>	<b>22.571.219.864</b>	<b>211.500.205.557</b>

- (i) Theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 10/NQ-ĐHCĐ ngày 12 tháng 4 năm 2017, cổ tức năm 2016 được Đại Hội đồng cổ đông phê duyệt là 20.400.000.000 đồng. Trong năm 2016, Công ty đã tạm ứng cổ tức với tổng giá trị 10.200.000.000 đồng. Theo Nghị quyết số 11/NQ-TNB ngày 28 tháng 4 năm 2017, Công ty đã chi trả cổ tức đợt hai năm 2016 cho các cổ đông theo tỷ lệ 6%/cổ phiếu (một cổ phiếu nhận được 600 đồng), tổng số cổ tức chi trả đợt hai là 10.200.000.000 đồng. Công ty cũng thực hiện trích quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 20% lợi nhuận sau thuế năm 2017 cộng thêm 10% lợi nhuận vượt kế hoạch.

**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) Cổ phiếu phổ thông	17.000.000	17.000.000
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ		
+) Cổ phiếu phổ thông	-	-
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) Cổ phiếu phổ thông	17.000.000	17.000.000
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.



**Vốn điều lệ của Công ty**

Vốn điều lệ của Công ty là 170.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ, như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp	Vốn đã góp
	VND	%	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	127.500.000.000	75%	127.500.000.000	127.500.000.000
Các cổ đông khác	42.500.000.000	25%	42.500.000.000	42.500.000.000
	<b>170.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>170.000.000.000</b>	<b>170.000.000.000</b>

**16. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đều liên quan đến hoạt động kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 17 và số 18.

Trong năm, các sản phẩm phân bón của Công ty được tiêu thụ chủ yếu ở khu vực Tây Nam Bộ, Công ty không có hoạt động xuất khẩu, theo đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu URE Phú Mỹ	1.210.567.930.000	1.409.971.915.000
Doanh thu DAP Phú Mỹ	35.270.140.000	168.035.622.500
Doanh thu Kali Phú Mỹ	408.021.830.000	399.597.575.000
Doanh thu NPK Phú Mỹ	97.215.767.500	22.652.760.000
Doanh thu các loại phân bón khác	289.106.848.200	236.945.008.300
Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	18.675.637.172	21.832.652.159
	<b>2.058.858.152.872</b>	<b>2.259.035.532.959</b>
Chiết khấu thương mại	(21.390.534.035)	(21.040.676.375)
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>2.037.467.618.837</b>	<b>2.237.994.856.584</b>
<b>Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 24)</b>	<b>21.024.438.501</b>	<b>64.107.849.008</b>

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<b>Năm nay</b> <b>VND</b>	<b>Năm trước</b> <b>VND</b>
Giá vốn URE Phú Mỹ	1.151.308.950.000	1.318.388.152.547
Giá vốn DAP Phú Mỹ	33.847.609.454	166.508.376.153
Giá vốn Kali Phú Mỹ	398.048.147.974	391.897.213.346
Giá vốn NPK Phú Mỹ	92.934.429.632	20.325.285.359
Giá vốn các loại phân bón khác	284.746.637.019	235.760.083.606
Giá vốn cung cấp dịch vụ và giá vốn khác	17.485.786.157	20.930.609.082
	<b>1.978.371.560.236</b>	<b>2.153.809.720.093</b>

**19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Năm nay</b> <b>VND</b>	<b>Năm trước</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.263.371.750	1.354.386.240
Chi phí nhân công	24.570.958.973	24.320.150.151
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	5.062.364.813	5.185.658.325
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.233.415.615	30.593.712.733
Chi phí khác bằng tiền	14.561.733.003	17.791.885.879
	<b>73.691.844.154</b>	<b>79.245.793.328</b>

**20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Năm nay</b> <b>VND</b>	<b>Năm trước</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên bán hàng	10.437.056.305	10.367.070.263
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.103.352.262	3.378.553.842
Các khoản chi phí bán hàng khác	19.292.329.733	18.648.688.133
	<b>32.832.738.300</b>	<b>32.394.312.238</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	12.058.725.188	11.263.956.649
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	10.430.637.631	12.680.997.006
	<b>22.489.362.819</b>	<b>23.944.953.655</b>

**21. LỢI NHUẬN KHÁC**

	<b>Năm nay</b> <b>VND</b>	<b>Năm trước</b> <b>VND</b>
<b>Thu nhập khác</b>		
Lãi từ nhượng bán tài sản cố định	446.037.023	-
Hàng tặng không thu tiền từ Tổng Công ty	3.265.000.000	-
Thu nhập khác	738.560	12.272.728
	<b>3.711.775.583</b>	<b>12.272.728</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí khác	-	25.883
	<b>-</b>	<b>25.883</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>3.711.775.583</b>	<b>12.246.845</b>

**22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.502.139.711	7.044.836.754
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	7.630.637	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.509.770.348</b>	<b>7.044.836.754</b>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>12.462.683.557</b>	<b>35.161.740.053</b>
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	48.015.000	62.443.716
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>12.510.698.557</b>	<b>35.224.183.769</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.502.139.711</b>	<b>7.044.836.754</b>

**23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)</b>	<b>9.952.913.209</b>	<b>28.116.903.299</b>
- Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (VND)	(2.001.873.963)	(5.675.070.990)
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>7.951.039.246</b>	<b>22.441.832.309</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	17.000.000	17.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>468</b>	<b>1.320</b>

**24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan:**

**Bên liên quan**

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần  
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần  
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ  
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung  
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam  
Công ty Bảo hiểm PVI Tây Nam  
Công ty Bảo hiểm PVI Thành phố Hồ Chí Minh  
Công ty Cổ phần Phân bón dầu khí Cà Mau  
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí  
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam

**Mối quan hệ**

Công ty mẹ  
Chi nhánh Công ty mẹ  
Cùng công ty mẹ  
Cùng công ty mẹ  
Công ty mẹ của cả Tập đoàn  
Cùng Tập đoàn  
Cùng Tập đoàn  
Cùng Tập đoàn  
Cùng Tập đoàn




**Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:**

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	15.978.253.136	21.733.187.345
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	2.880.000.000	-
Công ty Cổ phần Phân bón dầu khí Cà Mau	2.166.185.365	-
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ Sợi Dầu khí	-	42.213.930.000
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần	-	160.731.663
<b>Mua hàng hóa</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.778.832.277.500	1.554.475.700.000
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	8.153.398.000	5.526.200.000
Công ty CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	775.000.000	-
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	274.954.290.000
<b>Mua dịch vụ từ các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam</b>		
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam	1.555.991.250	-
Công ty Bảo hiểm PVI Thành phố Hồ Chí Minh	531.442.272	518.721.150
Công ty Bảo hiểm PVI Tây Nam	219.175.558	179.301.279
<b>Chi phí quản lý</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	581.379.247	2.523.433.174
<b>Nhận chiết khấu thương mại</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	37.105.956.238	27.318.945.900
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần	-	1.566.020.000
<b>Phí sử dụng nhãn hiệu của Tập đoàn</b>		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	369.198.271	431.665.278
<b>Chi trả cổ tức</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	7.650.000.000	16.575.000.000

**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, số dư với các bên liên quan như sau:**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Phải thu khách hàng</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	5.841.623.689	4.925.722.234
Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau	525.552.540	-
	<b>6.367.176.229</b>	<b>4.925.722.234</b>
<b>Trả trước cho người bán</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	4.450.000.000
	<b>-</b>	<b>4.450.000.000</b>
<b>Phải thu khác</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	30.000.000	-
	<b>30.000.000</b>	<b>-</b>
<b>Phải trả người bán</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	39.380.370.700	28.207.047.068
Công ty Cổ Phần Phân bón & Hóa chất dầu khí Đông Nam Bộ	18.575.040	-
Công ty Bảo hiểm PVI Thành phố Hồ Chí Minh	16.956.017	-
	<b>39.415.901.757</b>	<b>28.207.047.068</b>

  
Hứa Đặng Thành Luân  
Người lập biểu

  
Nguyễn Thành Công  
Kế toán trưởng

  
Trịnh Văn Khiêm  
Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2018